TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị B; Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Khu dân cư N, phường C, thành phố C1, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Văn T; Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình anh T ở thôn K,

xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, căng thẳng nhất từ năm 2013 đến nay, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T mải chơi không quan tâm trách nhiệm với gia đình, nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bố, mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ cuối năm 2013 đến nay, chị đã về cư trú cùng bố, mẹ đẻ chị ở Khu dân cư N, phường C, thành phố C1, tỉnh Hải Dương. Từ khi chị bỏ về đến nay, thỉnh thoảng anh T có đến tìm chị nhưng chỉ là để thăm con, không có mục đích để vợ chồng về đoàn tụ, chị cũng không lần nào về chung sống với anh T. Từ năm 2013 đến nay, chị và anh T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T.

Về con chung: Chị và anh Vũ Văn T có hai con chung là Vũ Thu T, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2004 và Vũ Thị Bảo N1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009. Từ khi chị bỏ đi đến nay, hai con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vũ Văn T Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T để anh Tiệp đến Toà án nhân dân huyện An Dương giải quyết việc chị Hoàng Thị B xin ly hôn nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không đến Tòa án ghi bản tự khai; không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị B xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn anh Vũ Văn T; giao các con chung Vũ Thu T, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2004 và Vũ Thị Bảo N1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009 cho chị Hoàng Thị B nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18

tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị Hoàng Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị Bình có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Vũ Văn T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vũ Văn T hiện đang cư trú tại thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Vũ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt anh Vũ Văn T.

[3] Chị Hoàng Thị B và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03 tháng 11 năm 2003, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Tuy anh Vũ Văn T không đến Tòa án, nên không có quan điểm của anh T về việc chị Hoàng Thị B xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Hoàng Thị B và anh Vũ Văn T đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh T mải chơi, không quan tâm trách nhiệm đến gia đình, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Thị B và anh Vũ Văn T là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Hoàng Thị B đối với anh Vũ Văn T.

[5] Về con chung: Chị Hoàng Thị B và anh Vũ Văn T có hai con chung là Vũ Thu T, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2004 và Vũ Thị Bảo N1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009. Xét thấy, hiện tại chị B làm kinh doanh nhỏ, còn anh T tuy là lao động tự do nhưng anh T có thể lao động để có thu nhập nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau. Tuy nhiên, các con chung ở với chị B đã ổn định trong thời gian dài vẫn phát triển tốt, chị B còn được sự giúp đỡ của bố, mẹ đẻ trong việc chăm sóc con chung, hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ, anh T cũng không có quan điểm về việc nuôi con, nên để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần giao hai con chung cho chị B nuôi dưỡng. Khi nào anh T có yêu cầu về vấn đề con chung, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Vũ Văn T không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Vũ Văn T không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị B là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị B và anh Vũ Văn T được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao các con chung Vũ Thu T, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2004 và Vũ Thị Bảo N1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009 cho chị Hoàng Thị B nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị B đã nộp theo Biên lai thu tiền số 4728 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị Hoàng Thị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế